

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 282/2023/DS - ST

Ngày: 18/8/2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và thực hiện nghĩa vụ do
người chết để lại”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Kim Chi.

Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2023/QĐST-DS ngày 03/8/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1957.

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* **Lê Văn Đ**, sinh năm 1965.

Lê Nguyễn Tổ T, sinh năm 1997.

Lê Hoàng L, sinh năm 2003.

Cùng địa chỉ: ấp Ấp B1, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Huỳnh Thị A, sinh năm 1943.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Bà X, ông Đ có mặt; anh L, bà A xin vắng mặt; chị T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

Khi còn sống bà Nguyễn Thị A có vay của bà Nguyễn Thị X số tiền 120.000.000 đồng vào ngày 07/12/2021, lãi suất 3%/tháng. Thỏa thuận miệng khi nào bà X cần tiền thì báo bà A trước 1 tháng, bà A trả. Sau khi vay, bà A chỉ trả tiền lãi được 4 tháng thì không trả nữa nhưng do chưa cần tiền nên bà X chưa yêu cầu bà A trả tiền vốn. Ngày 29/10/2022, bà Nguyễn Thị A chết. Khi bà A chết bà X có nhắc nhở và yêu cầu hàng thừa kế của bà A trả nợ nhưng họ cho rằng không biết, không đồng ý trả tiền cho bà. Hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị A gồm có: chồng là ông Lê Văn Đ, con gái là Lê Nguyễn Tố T, con trai là Lê Hoàng L, mẹ là bà Huỳnh Thị A. Bà X khởi kiện yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà A gồm ông Lê Văn Đ, chị Lê Nguyễn Tố T, anh Lê Hoàng L và bà Huỳnh Thị A có trách nhiệm trả lại bà X số tiền mà bà Nguyễn Thị A đã vay của bà là 120.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tiền lãi.

Tài liệu, chứng cứ bà Nguyễn Thị X cung cấp tại Tòa án là biên nhận ngày 07/12/2021 (nhằm ngày 04/11/2021 âm lịch) có nội dung bà “Nguyễn Thị A có mượn chị X số tiền là 120.000.000 đ”.

* Tại biên bản lấy lời khai và trong qua trình tố tụng bị đơn Lê Văn Đ trình bày:

Khi còn sống, vợ của ông là bà Nguyễn Thị A không có nói với ông về việc bà A vay tiền của bà X. Do đó, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà X.

Đối với biên nhận ngày 07/12/2021 mà bà X cung cấp, ông xác định chữ viết và ký trong biên nhận là của bà A, ông không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký tại biên nhận này.

Ông xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà A gồm có: ông là chồng của bà A tên Lê Văn Đ, con gái của bà A là chị Lê Nguyễn Tố T, con trai của bà A là anh Lê Hoàng L, mẹ của bà A là bà Huỳnh Thị A.

* Tại bản tự khai bị đơn Lê Hoàng L trình bày:

Anh là con của bà Nguyễn Thị A, anh hoàn toàn không biết vấn đề vay tiền của bà A, anh cũng không vay mượn tài sản nào của ai nên anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà X.

* Bị đơn Lê Nguyễn Tố T mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà X.

* Bị đơn Huỳnh Thị A có đơn xin vắng mặt, bà không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà X.

Tại phiên tòa,

Bà X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ông Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà X.

Anh L, bà A có đơn xin vắng mặt.

Chị T vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 357 Bộ luật dân sự năm 2015, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X. Buộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị A gồm có: ông Lê Văn Đ, chị Lê Nguyễn Tố T, anh Lê Hoàng L và bà Huỳnh Thị A trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền 120.000.000 đồng trong phạm vi di sản của bà Nguyễn Thị A để lại, trả khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Lê Nguyễn Tố T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; anh Lê Hoàng L và bà Huỳnh Thị A có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T, anh L, bà A nh.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị X với những người thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị A là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại được xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 463, Điều 615 Bộ luật dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị X yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị A trả lại bà số tiền vay là 120.000.000 đồng. Đây là tiền mà bà A khi còn sống đã vay của bà X. Bà X chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là biên nhận ngày 07/12/2021, biên nhận do chính bà A viết và ký tên, ghi họ tên. Ông Đ cũng thừa nhận toàn bộ chữ viết, chữ ký tại biên nhận nêu trên là của bà A, ông không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký trong biên nhận này. Do đó, có đủ cơ sở xác định giữa bà A và bà X đã có xác lập hợp đồng vay số tiền 120.000.000 đồng vào ngày 07/12/2021.

Tuy nhiên, do bà A đã chết ngày 29/10/2022, căn cứ vào trích lục giấy khai sinh của chị T, anh L, trích lục kết hôn và các biên bản xác minh đã thể hiện những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà A gồm có: ông Đ, chị T, anh L và bà A nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà A có nghĩa

vụ trả cho bà X số tiền nêu trên là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật. Đồng thời, những người thừa kế của bà A chỉ thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi di sản do bà A chết để lại theo quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự.

[3.2] Ông Đ và anh L không đồng ý trả bà X số tiền 120.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Chị Lê Nguyễn Tô T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, chị cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà X. Điều đó cho thấy, chị T đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo qui định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3.4] Bà Huỳnh Thị A có đơn xin vắng mặt nhưng bà cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà X. Điều đó cho thấy, bà A cũng đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo qui định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Từ phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị A gồm: ông Đ, chị T, anh L và bà A có trách nhiệm trả bà X số tiền 120.000.000 đồng và thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi di sản do bà A chết để lại.

[4.2] Về yêu cầu tính lãi: bà X không yêu cầu tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] Về thời gian trả tiền: bà X yêu cầu những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà A trả bà X số tiền 120.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở vì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà X. Do đó, Hội đồng xét xử buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà A trả bà X số tiền 120.000.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với qui định pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đ, chị T, anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà A được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 615 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X.

Buộc những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị A gồm: ông Lê Văn Đ, chị Lê Nguyễn Tô T, anh Lê Hoàng L và bà Huỳnh Thị A có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị X số tiền 120.000.000 đồng (*một trăm hai mươi triệu đồng*) trong phạm vi di sản do bà Nguyễn Thị A chết để lại. Thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

+ Ông Lê Văn Đ, chị Lê Nguyễn Tô T, anh Lê Hoàng L phải chịu số tiền 4.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Huỳnh Thị A được miễn nộp 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Nguyễn Thị X được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Ngọc Ngân

